

Bản án số: 290/2022/DS-PT
Ngày: 10 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 462/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 601/2020/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Nguyên L, sinh năm 1953.

Địa chỉ: đường H, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: đường M, phường B, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trịnh Minh Th – Văn phòng luật sư L, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ: đường Tr, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đỗ Mạnh H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: đường TC (số cũ: đường C), Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: I D, G, TX, USA.

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Hoàng Huy C, sinh năm 1972 .

Địa chỉ: đường Tr, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 01/2/2021). (Có mặt)

2/. Ông Đỗ Duy S (Do Duy S/DN), sinh năm 1965.

Địa chỉ: C D R, San Jose California, USA.

3/. Ông Đỗ Đình H1 (Do Đình H1), sinh năm 1962.

Địa chỉ: F R D, S, C, 95127, USA.

4/. Bà Đỗ Thị Thu Th (Do Thi Thu Th), sinh năm 1972.

Địa chỉ: C D R, S, C, USA.

5/. Ông Đỗ Huy Q (Do Q Huy), sinh năm 1964.

Địa chỉ: C D R, S C, USA.

Đại diện theo ủy quyền của ông S, ông H1, bà Th, ông Q: Ông Hoàng Huy C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: đường Tr, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 01/2/2021). (Có mặt)

6/. Bà Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Sh Cir, R, TX 75081, USA.

7/. Ông Đỗ Quang H2 (Do Quang H2), sinh năm 1977.

Địa chỉ: I D, G, TX, USA.

8/. Ông Đỗ Quang D (Do Quang D), sinh năm 1976.

Địa chỉ: I D, G, TX, USA.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đ, ông H2, ông D: Ông Hoàng Huy C, sinh năm 1972 và ông Đỗ Nguyên L, sinh năm 1953 (Văn bản ủy quyền ngày 01/2/2021). (Có mặt)

9/. Bà Đỗ Thị Thu Ng, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số đường TC, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

10/. Bà Đỗ Ngọc Kim Ch, sinh năm 1984.

Địa chỉ: đường H, Phường 4 (Phường 5 cũ), quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Địa chỉ hiện nay: đường số B, KP8, phường H1, quận Th). (Có mặt)

11/. Bà Thạch Thị Th, sinh năm 1958. (Có mặt)

12/. Ông Đỗ Minh Tr, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

- 13/. Bà Đỗ Thụy Thanh Tr, sinh năm 1992. (Vắng mặt)
- 14/. Ông Đỗ Minh Q1, sinh năm 1983. (Có mặt)
- 15/. Bà Nguyễn Thị Diễm Th1, sinh năm 1987. (Vắng mặt)
- 16/. Trẻ Đỗ Thụy Thanh Ng1, sinh năm 2012. (Không triệu tập)

Cùng địa chỉ: đường TC (số cũ: đường C), Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đỗ Mạnh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Minh Tr, Đỗ Thụy Thanh Tr, Thạch Thị Th, Đỗ Minh Q1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2013, bản tự khai ngày 23/12/2015 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Đỗ Nguyên L trình bày:

Cha của ông là Đỗ Tốt Ngh (chết năm 2004) và mẹ là Nguyễn Thị B (chết năm 1979) có 13 người con, 02 người đã chết từ nhỏ:

- 1/. Đỗ Nguyên L, sinh năm 1953.
- 2/. Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1958.
- 3/. Đỗ Mạnh H, sinh năm 1960.
- 4/. Ông Đỗ Duy S (Do Duy S/DN), sinh năm 1965.
- 5/. Ông Đỗ Đình H1 (Do Dinh H1), sinh năm 1962.
- 6/. Bà Đỗ Thị Thu Th (Do Thi Thu Th), sinh năm 1972.
- 7/. Ông Đỗ Huy Q (Do Q Huy), sinh năm 1964.
- 8/. Bà Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1967.
- 9/. Ông Đỗ Quang H2 (Do Quang H2), sinh năm 1977.
- 10/. Ông Đỗ Quang D (Do Quang D), sinh năm 1976.
- 11/. Bà Đỗ Thị Thu Ng, sinh năm 1974.
- 12/. Đỗ Ngọc L1, chết năm 1953 (chết còn nhỏ).
- 13/. Đỗ Đức T, chết năm 1961 (chết còn nhỏ).

Ngoài ra, ông Ngh còn có một vợ nữa là bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1962, có hôn thú và đã ly hôn với ông Ngh. Có 01 người con chung là bà Đỗ Ngọc Kim Ch, sinh năm 1984.

Đồng thời ông Ngh còn có con chung với bà Lê Thị Ng2, sinh năm 1941, đã chết. Có người con trai là Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1961, chết năm 2001, lúc ông N chết còn độc thân.

Việc ông Ngh có quan hệ sống chung với các bà Nguyễn Thị M, (sinh năm 1931, đã chết); bà Lê Thị Minh H, (sinh năm 1942) không có giấy tờ, tài liệu liên quan và cũng không có con chung.

Ông Đỗ Tốt Ngh và bà Nguyễn Thị B sinh thời tạo lập được căn nhà tọa lạc tại số đường TC (số cũ là đường C), Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do anh em ông mưu sinh và định cư ở những nơi khác nhau nên khi cha mẹ mất, căn nhà trên giao cho ông Đỗ Mạnh H tạm thời quản lý sử dụng và thờ cúng cha mẹ.

Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, ông H đã chiếm dụng toàn bộ căn nhà để ở và kinh doanh và không cho anh em ông được quyền quản lý cũng như thực hiện việc thờ cúng cha mẹ. Anh em ông nhiều lần thương lượng nhưng không thành.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là căn nhà số đường TC (số cũ là số đường C), Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

Đối với giá trị xây dựng của căn nhà: Do căn nhà được xây dựng từ năm 1960, đã rất lâu và không có xây sửa lại, hiện trạng nhà đã rất cũ, không còn giá trị nên nguyên đơn không yêu cầu tính giá trị xây dựng của căn nhà.

Đối với giá trị đất: Diện tích đất của căn nhà là 170m², theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất năm 2003. Nguyên đơn đề xuất giá trị đất là 80 triệu đồng/m². Như vậy, tổng giá trị đất là 13.600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu xác định theo giá thị trường căn cứ vào đơn giá bồi thường của Hội đồng bồi thường giải tỏa mặt bằng đã định.

Bị đơn ông Đỗ Mạnh H trình bày:

Theo đơn khởi kiện của ông Đỗ Nguyên L về việc chia thừa kế di sản do cha mẹ để lại là căn nhà số đường TC (số cũ đường C), Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông có ý kiến như sau:

Ông Đỗ Nguyên L không có tư cách để đứng tên thừa kiện về việc chia thừa kế gia sản của căn nhà trên vì:

+ Trong di chúc cha ông để lại không có tên ông L.

+ Ông L đã được cha cho một căn nhà trị giá 200 cây vàng, địa chỉ đường H, Phường 4, quận T với hai người con là ông Đỗ Duy S và Đỗ Đình H1 hiện nay hai ông này đang định cư tại Mỹ.

+ Trong đơn khởi kiện ông L có nói rằng bị đơn âm mưu chiếm đoạt căn nhà số đường TC và ngăn cản sự việc mua bán là vu khống không có căn cứ, vì hiện nay căn nhà đang ở vẫn mang tên cha của ông.

Vì vậy bị đơn đề nghị Tòa án không xem xét trường hợp này, vì không đủ chứng cứ pháp lý để khởi kiện.

Nếu trong số những người con được thừa kế hợp pháp khởi kiện, bị đơn sẽ theo di chúc vì trước đây khi các em ra nước ngoài có để lại giấy uỷ quyền cho ông, được quyết định những vấn đề về căn nhà thừa kế và ông đã hứa rằng nếu bán hoặc khi bị giải tỏa sẽ chia cho các em theo thỏa thuận mỗi người được

hưởng từ 15.000 đến 20.000 đô la Mỹ hoặc là chia theo di chúc thừa kế do cha để lại.

Những người được chia theo di chúc gồm: Đỗ Thị Kim L, Đỗ Mạnh H, Đỗ Thị Ngọc Đ, Đỗ Thị Thu Th, Đỗ Thị Thu Ng, Đỗ Quang D, Đỗ Quang H2, Đỗ Ngọc Kim Ch. Đó là những người được thừa kế vì bị đơn có nhiệm vụ phải chi trả khi bán căn nhà trên và hiện nay những người này đang định cư ở Mỹ.

Về nguồn gốc căn nhà là do cha mẹ ông tạo dựng từ năm 1960 và cha mẹ ông đều đã qua đời. Mẹ chết năm 1979 do tai nạn giao thông (nên không có di chúc) cha chết năm 2004 do bệnh và có để lại di chúc đối với căn nhà.

Căn nhà trên đã được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất ở năm 2004. Hiện nay bị đơn không được giữ vì trước khi cha ông chết giấy tờ vẫn còn ở phòng quản lý nhà đất quận T. Hằng năm bị đơn vẫn đóng tiền thuế nhà đất.

Trong quá trình tiếp quản, quản lý căn nhà bị đơn đã có nhiều lần sửa chữa, vì căn nhà cấp 4 đã lâu năm trên 50 năm nên hư hỏng rất nhiều, hiện nay mỗi một rất nhiều và đột có thể sập bất cứ lúc nào.

Những người hiện đang sống tại căn nhà này gồm có: Bị đơn Đỗ Mạnh H sinh năm 1960, bà Thạch Thị Th sinh năm 1958, ông Đỗ Minh Q1 sinh năm 1983, ông Đỗ Minh Tr sinh năm 1987, bà Đỗ Thụy Thanh Tr sinh năm 1992 và bà Nguyễn Thị Diễm Th1 sinh năm 1987, trẻ Đỗ Thụy Thanh Ng1 sinh năm 2012, em gái Đỗ Thị Thu Ng sinh năm 1972 và cháu gái Nguyễn Thị Phương B sinh năm 1998.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim L, ông Đỗ Duy S, ông Đỗ Đình H1, bà Đỗ Thị Thu Th, ông Đỗ Huy Q, bà Đỗ Thị Ngọc Đ, ông Đỗ Quang H2, ông Đỗ Quang D, bà Đỗ Ngọc Kim Ch có đại diện theo ủy quyền là ông Ông Hoàng Huy C và ông Đỗ Nguyên L trình bày:

Nguồn gốc nhà đất là di sản của cha mẹ: ông Đỗ Tốt Ngh và bà Nguyễn Thị B.

Về tranh chấp chia tài sản: Đồng thuận phân chia theo luật định.

Về hàng thừa kế: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại chết đã lâu (không có giấy chứng tử vì trên 50 năm). Tất cả các con của ông Ngh và bà Bấy đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau theo pháp luật đã quy định về thừa kế.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 601/2020/DS-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, 37, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 662, 675, 676, 684 và 685 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/. Nhà ở, đất ở tại số đường TC, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của vợ chồng cụ Đỗ Tốt Ngh và Nguyễn Thị B.

1.1/. Chia di sản đối với phần giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ trên theo pháp luật cho các đồng thừa kế như sau:

- Ông/bà: Đỗ Nguyên L, Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1958; Đỗ Đình H1 (Do Dinh H1), sinh năm 1962; Đỗ Huy Q (Do Q Huy), sinh năm 1964; Đỗ Duy S (Do Duy S/DN), sinh năm 1965; Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1967; Đỗ Thị Thu Th (Do Thi Thu Th), sinh năm 1972; Đỗ Thị Thu Ng, sinh năm 1974; Đỗ Quang D (Do Quang D), sinh năm 1976; Đỗ Quang H2 (Do Quang H2), sinh năm 1977 – mỗi người được hưởng 7,988%.

- Ông Đỗ Mạnh H được hưởng 15,976%.

- Đỗ Ngọc Kim Ch được hưởng: 4,142%.

1.2/. Các đồng thừa kế mỗi người sẽ nhận giá trị bồi thường giải tỏa đối với quyền sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất còn lại sau giải tỏa theo tỷ lệ mỗi người được hưởng nêu trên.

1.3/. Phần giá trị xây dựng của căn nhà do ông Đỗ Mạnh H được hưởng.

2/. Buộc những người đang ở tại căn nhà này gồm: Bị đơn Đỗ Mạnh H, bà Thạch Thị Th, ông Đỗ Minh Q1, ông Đỗ Minh Tr, bà Đỗ Thụy Thanh Tr, bà Nguyễn Thị Diễm Th1, trẻ Đỗ Thụy Thanh Ng1, bà Đỗ Thị Thu Ng, bà Nguyễn Thị Phương B (và những người cư trú tại nhà tại thời điểm thi hành án – nếu có) phải giao nhà trống cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thực hiện thi hành án và đấu giá phần nhà đất còn lại sau giải tỏa để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 28/5 và 02/6/2020 bị đơn ông Đỗ Mạnh H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thạch Thị Th, Đỗ Minh Tr, Đỗ Minh Q1, Đỗ Thụy Thanh Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/3/2021:

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên và xác định cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng khi chấp nhận thủ tục ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài, thủ tục ủy quyền không có giá trị pháp lý do không tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Bị đơn ông Đỗ Mạnh H đề nghị hoãn phiên tòa để tiến hành định giá lại tài sản theo giá thị trường, ông cho rằng quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án thì ông không hề có hành vi cản trở việc thẩm định, định giá tài sản của Tòa án nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp giá theo giá bồi thường khi nhà nước thu hồi đất là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp nhận đề nghị định giá lại tài sản của ông H. Ngày 08/4/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định trưng cầu thẩm định giá tài sản; Tổ chức tiến hành thẩm định giá là Công ty Cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài sản T (VATC). Ngày 06/5/2021, Công ty Cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài sản T (VATC) cung cấp chứng thư thẩm định giá. Các đương sự thống nhất giá theo chứng thư thẩm định giá này, không thắc mắc khiếu nại.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo là anh Đỗ Minh Tr, chị Đỗ Thụy Thanh Tr vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Mạnh H, bà Thạch Thị Th (là cha mẹ ruột của anh Tr, chị Tr) xác nhận anh Tr, chị Tr đã nhận được Quyết định xét xử của Tòa án nhưng do bận công việc nên không tham gia phiên toà, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật vì nội dung kháng cáo của anh Tr, chị Tr cũng giống như nội dung kháng cáo của ông H, bà Th, anh Q1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296, Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Tr, anh Tr vì hai đương sự này đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng tại phiên toà hôm nay vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử thảo luận và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt gồm bà Thạch Thị Th, anh Đỗ Minh Q1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên và cho rằng căn nhà số đường TC (số cũ là số đường C), Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ông H được hưởng thừa kế theo di chúc từ cha là cụ Ngh. Đồng thời bị đơn ông H cung cấp thông tin rằng trong diện tích đất mà cụ Ngh để lại 167m² (theo giấy chứng nhận là 170m²) thì có 46m² là ông mua lại của nhà nước, (ông mua trong thời gian cụ Ngh uỷ quyền cho ông quản lý nhà đất) tiền là của ông và biên lai thu tiền của phường do vợ ông là bà Th đóng; sau đó khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận năm 2003 thì ông đã nhập 46m² này vào chung phần đất của cụ Ngh, đất nhà của cụ Ngh để lại chỉ khoảng 120m². Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm do không hiểu biết nên ông không khai tình tiết này. Hôm nay tại phiên toà phúc thẩm ông H đề nghị được nhận lại 46m² này, phần diện tích nhà đất còn lại thì đề nghị chia theo di chúc. Do đó, ông đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Th, anh Tr thống nhất với yêu cầu của ông H.

Ông H có quan điểm trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xác định nhà đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ Ngh, cụ B và chia di sản thừa kế theo pháp luật thì ông không nhận hiện vật vì ông không có khả năng thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

Nguyên đơn ông Đỗ Nguyên L đề nghị cho ông và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Đỗ Thị Kim L, Đỗ Duy S, Đỗ Đình H1, Đỗ Thị Thu Th, Đỗ Huy Q, Đỗ Thị Ngọc Đ, Đỗ Quang H2, Đỗ Quang D nhận hiện vật di sản thừa kế là nhà đất nêu trên và thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu:*
Phía bị đơn ông H xác định bản di chúc do cụ Ngh lập ngày 24/9/1999 có giá trị pháp lý là không đúng pháp luật vì bản di chúc này như là một lời kể lại cuộc đời của cụ Ngh, đồng thời trong bản di chúc này không có 02 người làm chứng, không có chứng nhận của chính quyền địa phương. Toà án cấp sơ thẩm xác định nhà đất tại số đường TC, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cụ Ngh, cụ B để lại không có di chúc nên chia theo pháp luật là có căn cứ. Tại phiên toà hôm nay ông H cho rằng trong diện tích đất 167m² của căn nhà trên thì quá trình quản lý, sử dụng ông có mua thêm 46m² rồi nhập chung vào diện tích đất của cụ Ngh thì đề nghị ông cung cấp chứng cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H và tại phiên toà ông L cùng đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được hiện vật là nhà đất trên thì đề nghị Hội xét xử chấp nhận và sửa án sơ thẩm, giao nhà đất cho ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông L thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của các đương sự thì có đủ cơ sở kết luận nhà đất tại số đường TC, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cụ Ngh, cụ B để lại không có di chúc. Bị đơn ông H cho rằng di chúc của cụ Ngh có giá trị pháp lý là không có căn cứ vì tại bản viết tay ngày 25/11/2002 cụ Ngh đã xác định các bản di chúc trước đó không có giá trị. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế theo pháp luật là đúng và có xem xét công sức ông H gìn giữ di sản nên chia thêm cho ông H 01 kỷ phần thừa kế là đảm bảo quyền lợi cho ông H. Tại phiên hôm nay ông H cho rằng năm 1993 ông có mua thêm của Nhà nước 46m² rồi nhập chung vào diện tích nhà đất của Nghiệp nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H và bà Th, anh Q1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của anh Đỗ Minh Tr, chị Đỗ Thụy Thanh Tr thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của những người này.

(Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Mạnh H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thạch Thị Th, Đỗ Minh Q1, Đỗ Minh Tr và Đỗ Thụy Thanh Tr đúng về hình thức, nội dung, nộp trong hạn luật định, đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên các kháng cáo này được xác định là hợp lệ. Những yêu cầu kháng cáo của các đương sự này được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu kháng cáo gồm anh Đỗ Minh Tr, chị Đỗ Thụy Thanh Tr vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Mạnh H, bà Thạch Thị Th (là cha mẹ ruột của anh Tr, chị Tr) xác nhận anh Tr, chị Tr đã nhận được Quyết định xét xử của Tòa án nhưng do bận công việc nên không tham gia phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét anh Tr, chị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần những vẫn vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh Tr, chị Tr đã từ bỏ việc kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Tr, chị Tr.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp và xác định còn thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 36 Pháp lệnh số 44-LCT/HD9NN88 ngày 10/9/1990 của Hội đồng nhà nước; điểm d, khoản 1 Điều 688; khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015; khoản 4, Điều 4 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì từ ngày 01/01/2017.

[4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng tư cách các đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Mạnh H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thạch Thị Th, Đỗ Minh Q1, thấy rằng:

[6.1] Về thủ tục ủy quyền: Căn cứ vào các hợp đồng ủy quyền của ông Đỗ Huy Q ủy quyền cho ông Hoàng Huy C ngày 03/12/2015 và ngày 21/12/2015; Giấy ủy quyền của Đỗ Thị Ngọc Đ, Đỗ Quang D, Đỗ Quang H2 ủy quyền cho ông Hoàng Huy C ngày 10/5/2012; Giấy ủy quyền của Đỗ Thị Thu Th, Đỗ Duy S, Đỗ Đình H1 ủy quyền cho ông Hoàng Huy C ngày 26/5/2012. Xét các hợp đồng ủy quyền và giấy ủy quyền này đều được Tổng lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại S hợp pháp hóa lãnh sự và trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm; ngày 01/02/2021 bà Đỗ Thị Kim L, Đỗ Quang D và Đỗ Quang

H2 tiếp tục uỷ quyền cho ông Hoàng Huy C. Bà Đỗ Thị Kim L đại diện cho Đỗ Đình H1, Đỗ Duy S, Đỗ Ngọc Điệp, Đỗ Thị Thu Th và Đỗ Huy Q tiếp tục uỷ quyền cho ông Hoàng Huy C, các giấy uỷ quyền này đều được hợp pháp hoá lãnh sự. Do đó, kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm khi chấp nhận thủ tục uỷ quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ.

[6.2] Về những người thừa kế: Cụ Đỗ Tốt Ngh kết hôn với cụ Nguyễn Thị B năm 1950 và có tất cả 11 người con gồm: Đỗ Nguyên L, sinh năm 1953; Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1958; Đỗ Mạnh H, sinh năm 1960; Ông Đỗ Đình H1 (Do Dinh H1), sinh năm 1962; Ông Đỗ Huy Q (Do Q Huy), sinh năm 1964; Ông Đỗ Duy S (Do Duy S/DN), sinh năm 1965; Bà Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1967; Bà Đỗ Thị Thu Th (Do Thi Thu Th), sinh năm 1972; Bà Đỗ Thị Thu Ng, sinh năm 1974; Ông Đỗ Quang D (Do Quang D), sinh năm 1976; Ông Đỗ Quang H2 (Do Quang H2), sinh năm 1977. Ngoài ra, cụ Ngh còn kết hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1962 và có 01 người con chung là bà Đỗ Ngọc Kim Ch, sinh năm 1984. Cụ Ngh ly hôn với bà H năm 1997 (Quyết định thuận tình ly hôn số 66/TTLH/QĐ ngày 29/3/1997 của Tòa án nhân dân quận T). Đồng thời cụ Ngh còn có con chung với bà Lê Thị Ng2, sinh năm 1941 và có một con chung tên Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1961, nhưng ông N chết năm 2001, không có vợ con.

[6.3] Cụ B chết năm 1979, cụ Ngh chết năm 2004. Cha mẹ của hai cụ Đỗ Tốt Ngh và Nguyễn Thị B đều đã chết trước hai cụ. Các đương sự trong vụ án đều công nhận về những người thừa kế nêu trên, không còn ai khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị B gồm 12 người (là cụ Đỗ Tốt Ngh và 11 người con của cụ Nguyễn Thị B). Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Tốt Ngh gồm 12 người (là 11 người con với cụ B và 1 người con với Nguyễn Thị Ngọc H là Đỗ Ngọc Kim Ch) là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 676, 679 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6.4] Về di sản thừa kế: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, bản di chúc ngày 30/4/1999, bản viết ngày 25/11/2002 thì cụ Ngh và cụ B tạo lập được căn nhà số đường TC, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 89/2003 với diện tích đất ở 170m² do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 10/7/2003 cho cụ Ngh, cụ B đứng tên. Ông Đỗ Mạnh H là người quản lý nhà đất trên từ trước đến nay, các đương sự đều xác định hiện trạng nhà không thay đổi, quá trình quản lý, sử dụng ông H có sửa chữa nhỏ để sử dụng cũng như bảo quản.

[6.5] Quá trình giải quyết vụ án ông H có lời trình bày cho rằng ngoài căn nhà số đường TC nêu trên thì cụ Ngh còn tạo lập được căn nhà đường H, Phường 4, quận T từ việc mua lại nền đất nhà bị cháy của ông Nguyễn Vũ Đ, lời trình bày phù hợp với nội dung bản di chúc năm 1999 của cụ Ngh, nhưng căn cứ vào “Giấy nhượng đất” ngày 14/6/1976 thì chủ đất cũ là ông Nguyễn Vũ Đ sang nhượng đất trống cho ông Đỗ Nguyên L, sau đó ông L tự xây nhà, có “Tờ khai nguồn gốc căn nhà” ngày 07/7/1986 và có “Quyết định hợp thức hóa” số 841/QĐ-UB ngày 23/9/1986 của UBND quận T. Như vậy có sơ sở kết luận căn

nhà đường H không phải là di sản do cụ Ngh để lại mà do ông L mua đất, xây dựng nhà. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông H có đơn yêu cầu phản tố đề nghị xác định căn nhà đường H, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cụ Ngh để lại nhưng yêu cầu phản tố này được đưa ra sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu này là đúng theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6.6] Về di chúc: Phía bị đơn có cung cấp chứng cứ gồm “Bản di chúc cuộc đời của cậu”, “Bản di chúc phân chia gia sản cho các con” ngày 30/4/1999 của cụ Đỗ Tốt Ngh. Xét nội dung các bản di chúc này được viết như một tập hồi ký, tuy nhiên trong nội dung có đề cập đến việc chia di sản cho các con. Còn phía nguyên đơn cung cấp một bản viết tay ngày 25/11/2002 của cụ Đỗ Tốt Ngh có nội dung cụ Ngh xác định các bản di chúc viết trước đó không còn giá trị vì cụ cho rằng còn phải được một số người thân trong gia đình đọc thông qua và đưa ra chính quyền ký duyệt mới có giá trị. Các chứng cứ này đều được các đương sự xác định đúng là chữ viết, chữ ký của cụ Ngh. Như vậy, ý chí của cụ Ngh tại bản viết ngày 25/11/2002 nêu trên đã xác định các bản di chúc trước đó không có giá trị, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 662 Bộ luật dân sự năm 2005 thì đây là trường hợp hủy bỏ di chúc: “*Người lập di chúc có quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc vào bất cứ lúc nào*”.

[6.7] Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên thì di sản của cụ Ngh, cụ B để lại là căn nhà số đường TC, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và không có di chúc, nên di sản được chia thừa kế theo pháp luật như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng thực tế khách quan.

[6.8] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông H cho rằng diện tích nhà đất của cụ Nghiệp chỉ khoảng 120m², năm 1993 khi được cụ Ngh ủy quyền cho quản lý sử dụng nhà đất thì ông đã mua thêm 46m² đất của phường và nhập chung vào diện tích 120m² của cụ Ngh khi đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận năm 2003, việc mua thêm đất thì không có lập hợp đồng mà chỉ thể hiện bằng biên lai thu tiền của phường do vợ ông là bà Th đi nộp tiền. Xét lời trình bày này của ông H là không có cơ sở chấp nhận vì trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì ông không trình bày và cung cấp chứng cứ về nội dung này, tại phiên tòa hôm nay ông cũng không có chứng cứ chứng minh.

[6.9] Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế di sản của cụ Ngh, cụ B theo pháp luật và do ông H là người quản lý di sản từ trước đến nay nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông H thêm 01 kỷ phần thừa kế là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho ông H, cụ thể: Di sản của cụ B là 50% nhà đất, chia làm 13 phần (12 kỷ phần và 1 phần công sức quản lý) bằng 3,846%. Di sản của cụ Ngh là 50% + 3,846% = 53,846% nhà đất, chia làm 13 phần (12 kỷ phần và 1 phần công sức quản lý) bằng 4,142%.

Như vậy: Ông/bà Đỗ Nguyên L, Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1958; Đỗ Đình H1 (Do Dinh H1), sinh năm 1962; Đỗ Huy Q (Do Q Huy), sinh năm 1964; Đỗ

Duy S (Do Duy S/DN), sinh năm 1965; Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1967; Đỗ Thị Thu Th (Do Thi Thu Th), sinh năm 1972; Đỗ Thị Thu Ng, sinh năm 1974; Đỗ Quang D (Do Quang D), sinh năm 1976; Đỗ Quang H2 (Do Quang H2), sinh năm 1977 – mỗi người được hưởng 7,988%. Ông Đỗ Mạnh H được hưởng 15,976%. Bà Đỗ Ngọc Kim Ch được hưởng: 4,142%.

[6.10] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ do phía bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác nên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành được việc xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như định giá tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự thống nhất theo đơn giá do Hội đồng bồi thường hỗ trợ và Tái định cư thuộc UBND quận T của dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 tại Phương án bồi thường ngày 20/4/2020, theo đó vị trí căn nhà tọa lạc, đơn giá đất là 149.952.000/m², giá trị di sản là quyền sử dụng đất của 167,47m² (diện tích thực tế, giảm 2,53m² do sai số đo vẽ), căn cứ theo tài liệu Phương án bồi thường ngày 20/4/2020 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và Tái định cư thuộc UBND quận T là 25.112.461.440 đồng (làm tròn thành 25.112.461.400 đồng).

[6.11] Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông Đỗ Mạnh H yêu cầu định giá tài sản theo giá thị trường, căn cứ chứng thư thẩm định giá ngày 06/5/2021 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài sản T (VATC) thể hiện đất ở phù hợp quy hoạch là 123,55m², có đơn giá 207.747.000 đồng/m², giá trị di sản là quyền sử dụng đất là 25.667.141.850 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H là người quản lý di sản từ trước đến nay nhưng ông từ chối nhận di sản bằng hiện vật vì ông không có khả năng thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

[6.12] Nguyên đơn ông Đỗ Nguyên L đề nghị cho ông và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Đỗ Thị Kim L, Đỗ Duy S, Đỗ Đình H1, Đỗ Thị Thu Th, Đỗ Huy Q, Đỗ Thị Ngọc Đ, Đỗ Quang H2, Đỗ Quang D nhận hiện vật di sản thừa kế là nhà đất nêu trên và thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét yêu cầu này của ông L là phù hợp với Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015, tuy nhiên hiện nay nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đang định cư ở nước ngoài nên Hội đồng xét xử giao nhà đất nêu trên cho ông L và ông L có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác, cụ thể: thanh toán cho Ông/bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1958; Đỗ Đình H1 (Do Đình H1), sinh năm 1962; Đỗ Huy Q (Do Q Huy), sinh năm 1964; Đỗ Duy S (Do Duy S/DN), sinh năm 1965; Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1967; Đỗ Thị Thu Th (Do Thi Thu Th), sinh năm 1972; Đỗ Thị Thu Ng, sinh năm 1974; Đỗ Quang D (Do Quang D), sinh năm 1976; Đỗ Quang H2 (Do Quang H2), sinh năm 1977 – mỗi người **7,988%** giá trị tài sản là (25.667.141.850 đồng x 7,988%) = **2.050.291.290 đồng**; thanh toán cho bà Đỗ Ngọc Kim Ch **4,142%** giá trị tài sản (25.667.141.850 đồng x 4,142%) = **1.063.133.015 đồng**. Thanh toán cho ông Đỗ Mạnh H **15,976%** giá trị tài sản là (25.667.141.850 đồng x 15,976%) = **4.100.582.581 đồng**.

[6.13] Đối với phần diện tích đất 46,92m² nằm trong dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Bến Thành – Tham Lương, được bồi thường theo phương án về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đề thu hồi đất thực hiện dự án ngày 20/4/2020 của UBND Quận T. Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên các đồng thừa kế được nhận giá trị bồi thường theo tỷ lệ như trên, nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét. Các đồng thừa kế được quyền liên hệ với UBND Quận T để nhận giá trị bồi thường theo tỷ lệ như trên.

[7] Với các căn cứ và lập luận nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Mạnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thạch Thị Th, Đỗ Minh Q1, sửa một phần Bản án sơ thẩm như nhận định trên.

[8] Do giá trị tài sản tăng lên nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

- Ông/bà: Đỗ Nguyên L, Đỗ Thị Kim L, Đỗ Đình H1 (Do Đình H1), Đỗ Huy Q (Do Q Huy), Đỗ Duy S (Do Duy S/DN), Đỗ Thị Ngọc Đ, Đỗ Thị Thu Th (Do Thị Thu Th), Đỗ Thị Thu Ng, Đỗ Quang D (Do Quang D), Đỗ Quang H2 (Do Quang H2) mỗi người phải chịu: 73.005.825 đồng.

- Bà Đỗ Ngọc Kim Ch phải chịu 43.893.990 đồng

- Ông Đỗ Mạnh H phải chịu 112.100.582.581 đồng.

- Ông Đỗ Nguyên L là người cao tuổi nhưng quá trình giải quyết vụ án ông không có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí nên Toà án cấp sơ thẩm miễn án phí cho ông L là không đúng pháp luật.

[9] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông H, bà Th, anh Q1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận một phần.

[11] Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị sửa án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 634, 635, 662, 675, 676, 684 và 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Minh Q1 và chị Đỗ Thụy Thanh Tr.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Mạnh H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thạch Thị Th, Đỗ Minh Tr.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 601/2020/DSST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/. Nhà ở, đất ở tại số đường TC, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của vợ chồng cụ Đỗ Tốt Ngh và Nguyễn Thị B.

1.1/. Ông Đỗ Nguyên L được quyền sở hữu, sử dụng đối với Nhà ở, đất ở tại số đường TC, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp quy hoạch là 123,55m².

Ông Đỗ Nguyên L có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế gồm Ông/bà: Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1958; Đỗ Đình H1 (Do Dinh H1), sinh năm 1962; Đỗ Huy Q (Do Q Huy), sinh năm 1964; Đỗ Duy S (Do Duy S/DN), sinh năm 1965; Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1967; Đỗ Thị Thu Th (Do Thi Thu Th), sinh năm 1972; Đỗ Thị Thu Ng, sinh năm 1974; Đỗ Quang D (Do Quang D), sinh năm 1976; Đỗ Quang H2 (Do Quang H2), sinh năm 1977 – mỗi người 7,988% giá trị di sản là $(25.667.141.850 \text{ đồng} \times 7,988\%) = 2.050.291.290 \text{ đồng}$. Thanh toán cho bà Đỗ Ngọc Kim Ch 4,142% giá trị tài sản $(25.667.141.850 \text{ đồng} \times 4,142\%) = 1.063.133.015 \text{ đồng}$. Thanh toán cho ông Đỗ Mạnh H 15,976% giá trị tài sản là $(25.667.141.850 \text{ đồng} \times 15,976\%) = 4.100.582.581 \text{ đồng}$.

1.2/. Các đồng thừa kế mỗi người được nhận giá trị bồi thường đối với diện tích đất 46,92m² nằm trong dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 theo tỷ lệ mỗi người được hưởng nêu trên.

2/. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông/bà: Đỗ Nguyên L; Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1958; Đỗ Đình H1 (Do Dinh H1), sinh năm 1962; Đỗ Huy Q (Do Q Huy), sinh năm 1964; Đỗ Duy S (Do Duy S/DN), sinh năm 1965; Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1967; Đỗ Thị Thu Th (Do Thi Thu Th), sinh năm 1972; Đỗ Thị Thu Ng, sinh năm 1974; Đỗ Quang D (Do Quang D), sinh năm 1976; Đỗ Quang H2 (Do Quang H2), sinh năm 1977 – mỗi người phải chịu: 73.005.825 đồng.

Số tiền tạm ứng án phí ông Đỗ Nguyên L đã nộp 7.500.000 đồng (Biên lai AG/2010/05772 ngày 30/8/2013 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh được trừ vào phần án phí phải chịu, ông L còn phải nộp 65.505.825 đồng.

- Ông Đỗ Mạnh H phải chịu: 112.100.582.581 đồng.

- Bà Đỗ Ngọc Kim Ch phải chịu: 43.893.990 đồng.

4/. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đỗ Mạnh H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thạch Thị Th, Đỗ Minh Q1, không phải chịu. Hoàn trả cho ông H, bà Th, anh Q1, số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm

mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai số 0091725, 0091726, 0091727, cùng ngày 10/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Đỗ Minh Tr, chị Đỗ Thụy Thanh Tr phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí anh Tr, chị Tr đã nộp mỗi người 300.000 đồng tại các biên lai số 0091728, 0091729 cùng ngày 10/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh được khấu trừ vào phần án phí phải chịu.

5/. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

7/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- DS (18);
- Lưu VP (3), HS (2).28b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh